

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TL
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2022/HS-ST
Ngày: 22 - 6 - 2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HÀ NAM

- T2 phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Quách Xuân Luyện và bà Lê Thị Hà.

Thư ký phiên toà: ông Đặng Trần Kim Anh - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2022/TLST-HS ngày 09 tháng 5 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 6 năm 2022, đối với bị cáo:

- **Trần Văn Q** - sinh năm 1993; nơi cư trú: thôn THH, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: T1 chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Trung T và bà Đinh Thị K; có vợ là Dương Thị M và có 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: ngày 19/10/2018, bị Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà Nam ra Quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 29/9/2020; tạm giữ, tạm giam: không. Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt.

- **Bị hại:** anh Trần Văn T1 - sinh năm 1985; nơi cư trú: thôn THH, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** anh Phạm Tất T2 - sinh năm 1982; nơi cư trú: thôn PG, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Anh Trần Mạnh H; vắng mặt.
2. Ông Trần Trung T2; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn Q và anh Trần Văn T1 là người cùng thôn và có quan hệ họ hàng với nhau, Q gọi anh T1 là chú. Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 12/4/2021, Q mượn xe đạp điện của anh Trần Mạnh Hào (là em họ Q), rồi một mình điều khiển xe đến nhà anh T1 để đòi số tiền anh T1 nợ mình trước đó. Do chưa có tiền để trả, nên anh T1 khất nợ và hứa trả cho Q sau. Trong quá trình gặp, nói chuyện với anh T1, do cần tiền tiêu xài cá nhân, nên Q nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại di động của anh T1. Q giả vờ đưa ra lý do cần gọi điện cho bạn vay tiền, để mượn điện thoại của anh T1. Anh T1 đồng ý và đưa chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 2F cho Q, rồi đọc mật khẩu để cho Q mở điện thoại sử dụng. Q cầm điện thoại ngồi ở trước cửa nhà anh T1, rồi giả vờ gọi điện cho bạn. Song do lúc này anh T1 ở gần vị trí của Q, nên Q chưa lấy được điện thoại. Q đã đưa trả lại điện thoại cho anh T1, rồi ra ngoài cửa nhà anh T1 ngồi. Khoảng 15 phút sau, Q quay vào nhà, tiếp tục hỏi anh T1 mượn điện thoại di động, anh T1 đưa chiếc điện thoại trên cho Q. Q cầm điện thoại rồi đi ra sân nhà anh T1, giả vờ gọi điện thoại cho bạn, nhưng thực tế Q không gọi cho ai cả. Sau đó, quan sát thấy anh T1 đi ra vườn dọn dẹp không để ý đến mình, Q quay ra điều khiển xe đạp điện, cầm theo chiếc điện thoại di động của anh T1 đi đến cửa hàng mua bán điện thoại di động “Tất T2 A lô” có địa chỉ tại thôn PG, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam do anh Phạm Tất T2 làm chủ. Q đưa chiếc điện thoại cho anh T2, đọc mật khẩu rồi cầm cố chiếc điện thoại này cho anh T2 lấy 1.500.000 đồng. Anh T2 ghi vào 01 phiếu bảo hành với nội dung “Q Reno2F - 271985, 12/04→18/4, 1.500.000đ”, rồi đưa tiền và tờ phiếu này cho Q cầm. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Q mang chiếc xe đạp điện trả cho anh Hào. Đến ngày 14/4/2021, Q tiếp tục đến cửa hàng điện thoại Tất T2 lấy thêm 700.000 đồng, anh T2 viết lại giấy cầm cố vào một phiếu bảo hành với nội dung “Quang Reno 2F (271985) 12/04→18/4, 2.200.000đ”, Q ký vào giấy cầm đồ, tờ giấy này anh T2 giữ lại. Số tiền có được từ việc cầm cố chiếc điện thoại Q tiêu xài cá nhân hết. Do không thấy Q trả lại điện thoại, nên anh T1 đã dùng số điện thoại khác gọi vào số điện thoại của mình, song không liên lạc được. Sau đó, anh T1 đến nhà gặp, đòi Q điện thoại và thông báo cho bố mẹ Q biết. Ngày 16/4/2021, Q đã mang trả lại sim điện thoại của anh T1 cho vợ anh T1 là chị Nguyễn Thị Thúy. Đến ngày 21/4/2021, anh T1 đã trình báo Công an xã TH, huyện TL. Công an xã TH đã xác minh nội dung tin báo ban đầu và thu giữ: 01 Phiếu bảo hành kích thước (9 x 5,4)cm do Trần Văn Q tự nguyện giao nộp; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 2F đã qua sử dụng, 01 Phiếu bảo hành kích thước (9 x 5,4)cm do anh Phạm Tất T2 tự nguyện giao nộp; 01 vỏ hộp đựng điện thoại OPPO do anh Trần Văn T1 tự nguyện giao nộp. Sau đó, Công an xã TH đã chuyển toàn bộ hồ sơ, vật chứng đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TL giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL đã yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện TL định giá chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 2F tại thời điểm ngày 12/4/2021. Tại bản Kết luận định giá tài sản

số 25/KL-HĐĐGTS ngày 18/5/2021 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện TL kết luận: “*Giá trị 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 2F, số IMEI1: 869778040330434, số IMEI2: 869778040330426 tại thời điểm ngày 12/4/2021 là 3.500.000 đồng (ba triệu năm trăm nghìn đồng)*”.

* Về xử lý vật chứng: trong giai đoạn điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL đã ra Quyết định xử lý vật chứng và trả lại cho anh Trần Văn T1 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 2F, 01 hộp đựng điện thoại OPPO Reno 2F.

* Về trách nhiệm dân sự: anh Trần Văn T1 không có yêu cầu gì về dân sự, đồng thời có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho Trần Văn Q; anh Phạm Tất T2 không yêu cầu Q phải trả lại số tiền 2.200.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKSTL ngày 09/5/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện TL đã truy tố Trần Văn Q về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: tuyên bố bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của Bộ luật Hình sự - xử phạt Trần Văn Q từ 12 đến 18 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về xử lý vật chứng: lưu trong hồ sơ vụ án 02 Phiếu bảo hành.

- Bị cáo Trần Văn Q đã T2 khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

- Người làm chứng trình bày những tình tiết mà mình biết về vụ án như đã khai tại Cơ quan điều tra.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị hại và người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của họ không trở ngại cho việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về tội danh: tại phiên tòa cũng như tại Cơ quan điều tra, Trần Văn Q đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như trong nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp

lời khai của bị hại, người làm chứng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; phù hợp với vật chứng đã thu giữ, bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định: khoảng 08 giờ 00 phút ngày 12/4/2021, tại nhà anh Trần Văn T1 ở thôn THH, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà Nam; trong lúc nói chuyện với anh T1, thì Trần Văn Q đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh T1 để cầm cố lấy tiền tiêu xài. Q đã dùng thủ đoạn gian dối, giả vờ gọi điện thoại cho bạn hỏi vay tiền để mượn chiếc điện thoại OPPO Reno F2 trị giá 3.500.000 đồng của anh T1. Anh T1 đã tin tưởng đưa điện thoại di động và đọc mật khẩu điện thoại cho Q. Sau đó, lợi dụng việc anh T1 không để ý, Q đã cầm chiếc điện thoại này đến cửa hàng mua bán điện thoại di động “Tất T2 A lô” có địa chỉ tại thôn PG, xã TN, huyện TL, tỉnh Hà Nam cầm cố cho chủ cửa hàng là anh Phạm Tất T2 lấy 2.200.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của Trần Văn Q là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Hội đồng xét xử kết luận: Trần Văn Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự; Viện kiểm sát nhân dân huyện TL truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội.

[3] Về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Về nhân thân: bị cáo có nhân thân xấu.
- Về tình tiết tăng nặng: bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.
- Về tình tiết giảm nhẹ: bị cáo “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, đã “T2 khẩn khai báo, ăn năn hối cải”, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i và s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là thương binh, bị hại làm đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo có nhân thân xấu; trong thời gian chuẩn bị xét xử, ngày 10/6/2022, bị cáo lại thực hiện hành vi trộm cắp tài sản; qua đó thể hiện sự coi thường pháp luật. Ngoài ra, bản thân bị cáo khai nhận vẫn còn nghiện và sử dụng ma túy. Vì vậy, cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: xét thấy, bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập ổn định, nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có yêu cầu gì, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO Reno 2F và 01 hộp đựng điện thoại OPPO Reno 2F: qua điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của anh Trần Văn T1, Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL đã trả lại cho anh T1 là đúng pháp luật.

- Đối với 02 Phiếu bảo hành: đây là tài liệu liên quan đến vụ án, cần lưu trong hồ sơ vụ án.

[7] Về các vấn đề khác:

- Đối với anh Trần Mạnh Hào: quá trình điều tra xác định anh Hào không biết việc Trần Văn Q mượn xe để đi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL không xem xét xử lý đối với anh Hào là có căn cứ.

- Đối với anh Phạm Tất T2: qua điều tra xác định, quá trình cầm cố chiếc điện thoại, anh T2 không biết đây là tài sản do Trần Văn Q phạm tội mà có, nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện TL không xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với anh T2 về hành vi “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là có căn cứ. Do anh T2 cầm đồ nhưng không có giấy chứng nhận kinh doanh theo quy định, nên Công an huyện TL đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính bằng hình thức phạt tiền đối với anh T2 là đúng pháp luật.

[8] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự: căn cứ vào khoản 1 Điều 174, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 38 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Tuyên bố: bị cáo Trần Văn Q phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Xử lý vật chứng: lưu trong hồ sơ vụ án 02 Phiếu bảo hành (hiện đang được lưu tại Bút lục số 23 trong hồ sơ vụ án).

3. Án phí: bị cáo Trần Văn Q phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: bị cáo có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa, được quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện TL;
- Công an huyện TL;
- Chi cục THA DS huyện TL;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lại Xuân Cảnh